TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST Ngày 18-8-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh;

Bà Phan Thị Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, Hện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đồng Duy T1, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, Hện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đồng Duy T1 từ năm 2001 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã N, huyện K, thành phố Hải

Phòng ngày 02 tháng 11 năm 2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số 45). Vợ chồng chung sống hòa thuận được 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T1 không tôn trọng chị, mỗi khi trao đổi công việc gia đình thì anh thường vô cớ đập phá tài sản, không lắng nghe ý kiến của chị, vợ chồng không tin tưởng nhau trong làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, từ đó thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn xóm khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Anh chị có 05 con là Đồng Thị Như Q, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2002, Đồng Thị Khánh L, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009, Đồng Thị Thu T2, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2011, Đồng Thị Khánh N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016 và Đồng Duy Minh H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2019. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu T2, cháu N, cháu H đến khi các cháu đủ 18 tuổi; yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi cháu 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 tháng. Cháu Q đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị làm nghề kinh doanh thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Anh T1 làm nghề tự do, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2023, anh Đồng Duy T1 trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong quá trình sống chung, vợ chồng chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, không xảy ra những mâu thuẫn lớn. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 05 con chung như chị T đã trình bày, nếu ly hôn, anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 04 cháu (L, T2, N, H) đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, mỗi cháu 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ 1 tháng. Cháu Q đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh làm nghề kinh doanh, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã

thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T; cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đồng Duy T1.

- Về con chung: Giao cháu Đồng Thị Khánh L, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009, Đồng Thị Thu T2, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2011, Đồng Thị Khánh N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016 và Đồng Duy Minh H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi cháu 2.000.000 đồng/1 tháng. Cháu Đồng Thị Như Q, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2002 đã thành niên, các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Đồng Duy T1 phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Đồng Duy T1 và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh T1 đang cư trú tại xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Anh Đồng Duy T1 (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1

Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Đồng Duy T1; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N, xã Đ cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Đồng Duy T1 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong việc làm kinh tế xây dựng gia đình, từ đó thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị đều xác định vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống chung. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 05 con chung là Đồng Thị Khánh L, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009; Đồng Thị Thu T2, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2011; Đồng Thị Khánh N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016; Đồng Duy Minh H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2019. Nếu ly hôn, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng thống nhất chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chưa thành niên đến khi các cháu đủ 18 tuổi; cháu Q đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã Đ thì chị T, anh T1 đều làm nghề kinh doanh, thu nhập trung bình hơn 10.000.000 đồng/ tháng, có chỗ ở ổn định, mặt khác nguyện vọng của 04 cháu được ở với chị T. Do đó cần giao cháu L, cháu T2, cháu N, cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; anh, chị đều thống nhất anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi cháu 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Đồng Duy T1 không thuộc trường hợp được miễn án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đồng Duy T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đồng Thị Khánh L, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 Đồng Thị Thu T2, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2011; cháu Đồng Thị Khánh N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016; Đồng Duy Minh H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh Đồng Duy T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, mỗi cháu 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Cháu Đồng Thị Như Q, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2002 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Đồng Duy T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị T mà anh Đồng Duy T1 chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001955 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đồng Duy T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đồng Duy T1 có quyền kháng

cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu